

## KẾ HOẠCH KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 - NĂM HỌC 2024 - 2025

### MÔN SINH HỌC 11

- Thời điểm kiểm tra:** Tuần 17 (từ 21/12/2024- 26/12/2024)
- Thời gian làm bài:** 45 phút
- Hình thức kiểm tra:** Trắc nghiệm theo 3 phần
- Nội dung:** các yêu cầu cần đạt từ bài 1 - bài 10
- Cấu trúc:**
  - Mức độ đề: 45% Nhận biết; 35% Thông hiểu; 20% Vận dụng.
  - Tổng điểm: 10 điểm, gồm 28 câu. Trong đó:
    - + Phần I:** (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 18 câu TNNLC = 4,5 điểm
    - + Phần II:** (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.
      - Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
      - Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
      - Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
      - Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.
    - + Phần III:** (Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn = TNTLN) gồm 6 câu = 1,5 điểm.
- Bảng ma trận, đặc tả:**

# MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

## MÔN SINH HỌC 11 (CÁNH DIỀU)

| TT                              | Chủ đề                                       | Đơn vị kiến thức                                                | Mức độ nhận thức – Dạng câu hỏi    |                |                 |                                  |            |                |                                  |                  |                |
|---------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------|-----------------|----------------------------------|------------|----------------|----------------------------------|------------------|----------------|
|                                 |                                              |                                                                 | Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (TNNLC) |                |                 | Trắc nghiệm Đúng/Sai (TNĐS)      |            |                | Trắc nghiệm trả lời ngắn (TNTLN) |                  |                |
|                                 |                                              |                                                                 | N.Biết                             | T.Hiểu         | VD              | N.Biết                           | T.Hiểu     | VD             | N.Biết                           | T.Hiểu           | VD             |
| 1                               | Chủ đề 1. TĐC và chuyển hoá năng lượng ở sv. | Bài 1: Khái quát về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng      | 1 NT1<br>1 NT2                     |                | 1 VD2           |                                  |            |                |                                  |                  |                |
|                                 |                                              | Bài 2: Trao đổi nước và khoáng ở thực vật                       |                                    |                |                 |                                  |            |                | 1NT1                             |                  | 1VD2           |
|                                 |                                              | Bài 3: Nhân tố ảnh hưởng đến trao đổi nước và khoáng ở thực vật | 1 NT1                              | 1TH1-2         | 1 VD2           |                                  |            |                |                                  |                  |                |
|                                 |                                              | Bài 4: Quang hợp ở thực vật                                     |                                    |                |                 | 1 NT1                            | 2 TH1-2    | 1 VD1          |                                  |                  |                |
|                                 |                                              | Bài 5: Hô hấp ở thực vật                                        |                                    |                |                 | 1 NT1                            | 2 TH1-2    | 1 VD1          |                                  |                  |                |
|                                 |                                              | Bài 6: Dinh dưỡng và tiêu hoá ở động vật                        | 1 NT1                              | 1TH1-2         |                 |                                  |            |                |                                  | 1TH1-2           | 1 VD2          |
|                                 |                                              | Bài 7: Hô hấp ở động vật                                        | 1 NT1<br>1NT2                      | 1TH1-2         |                 |                                  |            |                |                                  |                  |                |
|                                 |                                              | Bài 8. Hệ tuần hoàn ở động vật                                  | 1 NT1<br>1NT2                      |                |                 | 1 NT1                            | 2 TH1-2    | 1 VD1          |                                  |                  |                |
|                                 |                                              | Bài 9. Miễn dịch ở người và động vật                            | 1 NT1<br>1NT2                      | 1TH1-2         |                 |                                  |            |                | 1NT1                             | 1TH1-2           |                |
|                                 |                                              | Bài 10. Bài tiết và cân bằng nội môi                            | 1 NT1<br>1NT2                      |                |                 | 1 NT1                            | 2 TH1-2    | 1 VD1          |                                  |                  |                |
| Tổng số câu                     |                                              |                                                                 | 12                                 | 4              | 2               | 4ý                               | 8 ý        | 4 ý            | 2                                | 2                | 2              |
| Tổng số điểm                    |                                              |                                                                 | (I):<br>3,0 đ                      | (II):<br>1,0 đ | (III):<br>0,5 đ | (IV):<br>1,0 đ                   | (V): 2,0 đ | (VI):<br>1,0 đ | (VII):<br>0,5 đ                  | (VIII):<br>0,5 đ | (IX):<br>0,5 đ |
| Tổng số câu/điểm từng định dạng |                                              |                                                                 | 18 câu / 4.5 điểm                  |                |                 | 4 câu (16 ý) / 4.0 điểm          |            |                | 6 câu/ 1.5 điểm                  |                  |                |
| Tổng từng mức độ nhận thức:     |                                              |                                                                 | Nhận biết: I+IV+VII<br>= 4,5 đ     |                |                 | Thông hiểu: II+V+VIII<br>= 3,5 đ |            |                | Vận dụng: III+VI+IX<br>= 2,0 đ   |                  |                |

**Chú ý:** (Nhận thức sinh học: NT / Tìm hiểu thế giới sống: TH/ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: VD)

- NT1: Nhận biết, kể tên, phát biểu, nêu được các đối tượng, khái niệm, quy luật, quá trình sống.
- NT2: Trình bày được các đặc điểm, vai trò của các đối tượng và các quá trình sống bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết, công thức, sơ đồ, biểu đồ, ...
- NT3: Phân loại được các đối tượng, hiện tượng sống theo các tiêu chí khác nhau.

- **NT4: Phân tích được** các đặc điểm của một đối tượng, sự vật, quá trình theo logic nhất định.
  - **NT5: So sánh, lựa chọn được** các đối tượng, khái niệm, các cơ chế, quá trình sống dựa theo các tiêu chí nhất định.
  - **NT6: Giải thích được** mối quan hệ giữa các sự vật và hiện tượng (nguyên nhân – kết quả, cấu tạo – chức năng, ...)
  - **NT7: Nhận ra và chỉnh sửa được** những điểm sai; đưa ra được những nhận định có tính phê phán (phản biện) liên quan tới chủ đề trong thảo luận.
  - **NT8: Tìm được từ khóa, sử dụng được thuật ngữ khoa học**, kết nối được thông tin theo logic có ý nghĩa, lập được dàn ý khi đọc và trình bày các văn bản khoa học; sử dụng được các hình thức ngôn ngữ biểu đạt khác nhau.
- 
- **TH1: Đề xuất vấn đề liên quan đến thế giới sống:** đặt ra được các câu hỏi liên quan đến vấn đề; phân tích được bối cảnh để đề xuất vấn đề; dùng ngôn ngữ của mình biểu đạt được vấn đề đã đề xuất.
  - **TH2: Đưa ra phán đoán và xây dựng giả thuyết:** phân tích được vấn đề để nêu được phán đoán; xây dựng và phát biểu được giả thuyết nghiên cứu.
  - **TH3: Lập kế hoạch thực hiện:** xây dựng được khung logic nội dung tìm hiểu; lựa chọn được phương pháp thích hợp (quan sát, thực nghiệm, điều tra, phỏng vấn, hồi cứu tư liệu...); lập được kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu [gọi chung là ‘thiết kế nghiên cứu’].
  - **TH4: Thực hiện kế hoạch** [vd: Thực hiện nghiên cứu]: thu thập, lưu trữ được dữ liệu từ kết quả tổng quan, thực nghiệm, điều tra; đánh giá được kết quả dựa trên phân tích, xử lý các dữ liệu bằng các tham số thống kê đơn giản; so sánh được kết quả với giả thuyết, rút ra kết luận và điều chỉnh (nếu cần); đề xuất được ý kiến khuyến nghị vận dụng kết quả nghiên cứu, hoặc vấn đề nghiên cứu tiếp.
  - **TH5: Viết, trình bày báo cáo và thảo luận:** sử dụng được ngôn ngữ, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng để biểu đạt quá trình và kết quả nghiên cứu; viết được báo cáo nghiên cứu; hợp tác được với đối tác bằng thái độ lắng nghe tích cực và tôn trọng quan điểm, ý kiến đánh giá do người khác đưa ra để tiếp thu tích cực và giải trình, phản biện, bảo vệ kết quả nghiên cứu một cách thuyết phục.
- 
- **VD1: Giải thích thực tiễn: giải thích, đánh giá** được những hiện tượng thường gặp trong tự nhiên hoặc trong đời sống, tác động của chúng đến phát triển bền vững: ***giải thích, đánh giá, phản biện*** được một số mô hình công nghệ ở mức độ phù hợp.
  - **VD2: Có hành vi, thái độ thích hợp:** đề xuất, thực hiện một số giải pháp để bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng; bảo vệ thiên nhiên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  
**MÔN: SINH HỌC 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| TT | Chủ đề                                              | Đơn vị kiến thức                                                | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Dạng thức         |     |            |
|----|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----|------------|
|    |                                                     |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | NLC               | Đ/S | TLN        |
| 1  | <b>Chủ đề 1. TĐC và chuyển hoá năng lượng ở sv.</b> | Bài 1: Khái quát về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm tự dưỡng và dị dưỡng.</li> <li>- Nêu được các phương thức trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng. Lấy được ví dụ minh họa.</li> <li>- Phân tích được vai trò của sinh vật tự dưỡng trong sinh giới. Dựa vào sơ đồ chuyển hóa năng lượng trong sinh giới, mô tả được tóm tắt ba giai đoạn chuyển hóa năng lượng (tổng hợp, phân giải và huy động năng lượng). Trình bày được mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở cấp tế bào và cơ thể. Nêu được các dấu hiệu đặc trưng của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng. Phân tích được vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng đối với sinh vật.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2NB<br>1VD        |     |            |
|    |                                                     | Bài 2: Trao đổi nước và khoáng ở thực vật                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được vai trò của nước đối với cơ thể thực vật.</li> <li>- Nêu được khái niệm dinh dưỡng ở thực vật và vai trò sinh lí của một số nguyên tố khoáng đối với thực vật. Quan sát và nhận biết được một số biểu hiện của cây do thiếu khoáng.</li> <li>- Dựa vào sơ đồ, mô tả được quá trình trao đổi nước trong cây, gồm: hấp thụ nước ở rễ, vận chuyển nước ở thân và thoát hơi nước ở lá.</li> <li>- Trình bày được cơ chế hấp thụ nước và khoáng ở tế bào lông hút của rễ. Nêu được sự vận chuyển các chất trong cây theo hai dòng: dòng mạch gỗ và dòng mạch rây. Trình bày được động lực vận chuyển nước và khoáng trong cây. Nêu được sự vận chuyển các chất hữu cơ trong mạch rây cung cấp cho các hoạt động sống của cây và dự trữ trong cây. Trình bày được cơ chế đóng mở khí khổng thực hiện chức năng điều tiết quá trình thoát hơi nước. Giải thích được vai trò quan trọng của sự thoát hơi nước đối với đời sống của cây.</li> <li>- Nêu được các nguồn cung cấp nitrogen cho cây. Trình bày được quá trình hấp thụ và biến đổi nitrate và ammonium ở thực vật.</li> </ul> |                   |     | 1NB<br>1VD |
|    |                                                     | Bài 3: Nhân tố ảnh hưởng đến trao đổi nước và khoáng ở thực vật | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được sự cân bằng nước và việc tưới tiêu hợp lí; các phản ứng chống chịu hạn, chống chịu ngập úng, chống chịu mặn của thực vật và chọn giống cây trồng có khả năng chống chịu.</li> <li>- Phân tích được một số nhân tố ảnh hưởng đến trao đổi nước. Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình dinh dưỡng khoáng ở cây. Ứng dụng kiến thức này vào thực tiễn.</li> <li>- Phân tích được vai trò của phân bón đối với năng suất cây trồng.</li> <li>- Thông qua thực hành, quan sát được cấu tạo của khí khổng ở lá. Thực hiện được các thí nghiệm chứng minh sự hút nước ở rễ; vận chuyển nước ở thân và thoát hơi nước ở lá. Thực hành tưới nước chăm sóc cây, trồng cây thủy canh, khí canh.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1NB<br>1TH<br>1VD |     |            |

|  |  |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |          |            |
|--|--|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|------------|
|  |  | <p>Bài 4: Quang hợp ở thực vật</p>              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm quang hợp ở thực vật. Viết được phương trình quang hợp. Nêu được vai trò của quang hợp ở thực vật.</li> <li>- Trình bày được vai trò của sắc tố trong việc hấp thụ năng lượng ánh sáng. Nêu được các sản phẩm của quá trình biến đổi năng lượng ánh sáng thành năng lượng hoá học (ATP và NADPH)</li> <li>- Nêu được các con đường đồng hoá carbon trong quang hợp. Chứng minh được sự thích nghi của thực vật C<sub>3</sub> và CAM trong điều kiện môi trường bất lợi</li> <li>- Nêu được vai trò của quang hợp ở thực vật (vai trò đối với cây, sinh vật và sinh quyển)</li> <li>- Trình bày được vai trò của sản phẩm quang hợp trong tổng hợp chất hữu cơ (chủ yếu là tinh bột), đối với cây và đối với sinh giới.</li> <li>- Phân tích được mối quan hệ giữa quang hợp và năng suất cây trồng. Phân tích được ảnh hưởng của các điều kiện đến quang hợp (ánh sáng, CO<sub>2</sub>, nhiệt độ)</li> <li>- Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được một số biện pháp kĩ thuật và công nghệ nâng cao năng suất cây trồng.</li> </ul> |            | 1<br>Câu |            |
|  |  | <p>Bài 5: Hô hấp ở thực vật</p>                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm hô hấp ở thực vật</li> <li>- Trình bày được sơ đồ các giai đoạn của hô hấp ở thực vật. Phân tích được vai trò của hô hấp ở thực vật.</li> <li>- Phân tích được ảnh hưởng của điều kiện môi trường đến hô hấp ở thực. Vận dụng được hiểu biết về hô hấp giải thích các vấn đề thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt và nông sản, cây ngập úng sẽ chết,...)</li> <li>- Phân tích được mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp.</li> <li>- Thực hành được thí nghiệm hô hấp ở thực vật.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |            | 1<br>Câu |            |
|  |  | <p>Bài 6: Dinh dưỡng và tiêu hoá ở động vật</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các giai đoạn của quá trình dinh dưỡng.</li> <li>- Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh), trình bày được hình thức tiêu hoá ở động vật. Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng trong xây dựng chế độ ăn uống và các biện pháp dinh dưỡng phù hợp ở mỗi lứa tuổi và trạng thái cơ thể.</li> <li>- Vận dụng được hiểu biết về hệ tiêu hoá để phòng các bệnh về tiêu hoá. Giải thích được vai trò của việc sử dụng thực phẩm sạch trong đời sống con người.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1NB<br>1TH |          | 1TH<br>1VD |
|  |  | <p>Bài 7: Hô hấp ở động vật</p>                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được vai trò của hô hấp ở động vật: trao đổi khí với môi trường và hô hấp tế bào.</li> <li>- Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, trình bày được các hình thức trao đổi khí. Giải thích được một số hiện tượng trong thực tiễn liên quan đến hô hấp ở động vật.</li> <li>- Vận dụng hiểu biết về hô hấp và trao đổi khí để phòng các bệnh về đường hô hấp. Giải thích được tác hại của hút thuốc lá và ô nhiễm không khí đối với sức khỏe. Trình bày được ý nghĩa của việc cấm hút thuốc lá và xử phạt người hút thuốc lá ở nơi công cộng. Giải thích được vai trò của luyện tập thể dục, thể thao đối với sức khỏe. Tìm hiểu được các bệnh về đường hô hấp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2NB<br>1TH |          |            |
|  |  | <p>Bài 8. Hệ tuần hoàn ở động vật</p>           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được khái quát hệ tuần hoàn trong cơ thể động vật. Nêu được một số dạng hệ tuần hoàn và dựa vào hình ảnh, sơ đồ phân biệt được các dạng hệ tuần hoàn ở động vật. Trình bày được cấu tạo, hoạt động của tim, sự phù</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2NB        | 1<br>Câu |            |

|                    |  |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |            |          |            |
|--------------------|--|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|------------|
|                    |  |                                         | <p>hợp giữa cấu tạo và chức năng của tim. Giải thích được khả năng tự phát nhịp gây nên tính tự động của tim.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Dựa vào hình ảnh, sơ đồ mô tả được cấu tạo và hoạt động của hệ mạch. Mô tả được quá trình vận chuyển máu trong hệ mạch. Nêu được hoạt động của tim mạch được điều hòa bằng cơ chế thần kinh và thể dịch.</li> <li>– Trình bày được vai trò của thể dục, thể thao đối với hệ tuần hoàn. Kể được các bệnh thường gặp ở hệ tuần hoàn. Trình bày được một số biện pháp phòng chống các bệnh tim mạch. Phân tích được tác hại của việc lạm dụng rượu, bia đối với sức khỏe con người, đặc biệt là hệ tim mạch. Đánh giá được ý nghĩa của việc xử phạt người sử dụng rượu, bia khi tham gia giao thông.</li> </ul>                                                                                                                                                               |            |          |            |
|                    |  | Bài 9.<br>Miễn dịch ở người và động vật | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được các nguyên nhân bên trong và bên ngoài gây ra các bệnh ở động vật và người.</li> <li>– Giải thích được vì sao nguy cơ mắc bệnh ở người rất lớn nhưng xác suất bị bệnh rất nhỏ. Phát biểu được khái niệm miễn dịch. Mô tả được khái quát hệ miễn dịch ở người: các tuyến và vai trò của mỗi tuyến.</li> <li>– Phân biệt được miễn dịch không đặc hiệu và đặc hiệu.</li> <li>– Trình bày được cơ chế mắc bệnh và cơ chế chống bệnh ở động vật. Phân tích được vai trò của việc chủ động tiêm phòng vaccine. Giải thích được cơ sở của hiện tượng dị ứng với chất kích thích, thức ăn, cơ sở khoa học của thử phản ứng khi tiêm kháng sinh.</li> <li>– Trình bày được quá trình phá vỡ hệ miễn dịch của các tác nhân gây bệnh trong cơ thể người bệnh: HIV, ung thư, bệnh tự miễn. Điều tra việc thực hiện tiêm phòng bệnh, dịch bệnh trong trường học hoặc tại địa phương.</li> </ul> | 2NB<br>1TH |          | 1NB<br>1TH |
|                    |  | Bài 10.<br>Bài tiết và cân bằng nội môi | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phát biểu được khái niệm bài tiết và trình bày vai trò của bài tiết. Trình bày được vai trò của thận trong bài tiết và cân bằng nội môi. Trình bày được các biện pháp bảo vệ thận. Vận dụng được kiến thức bài tiết để phòng và chống một số bệnh liên quan đến thận và bài tiết.</li> <li>– Nêu được các khái niệm: nội môi, cân bằng động.</li> <li>– Nêu được tầm quan trọng của việc xét nghiệm định kì các chỉ số sinh hóa liên quan đến cân bằng nội môi. Giải thích được các kết quả xét nghiệm. Kể tên được một số cơ quan tham gia điều hòa cân bằng nội môi. Dựa vào sơ đồ, giải thích được cơ chế chung điều hòa nội môi.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                              | 2NB        | 1<br>Câu |            |
| <b>Tổng số câu</b> |  |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>18</b>  | <b>4</b> | <b>6</b>   |

**I. Phần I:** (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 18 câu = 4,5 điểm (0,25 điểm/1 câu.)

- Học sinh chỉ lựa chọn 1 phương án đúng (A,B,C,D).

**1) NHẬN BIẾT**

**Bài 1: 2NB**

1) (NB)

2) (NB)

**Bài 3: 1NB**

3) (NB)

**Bài 6: 1NB**

4) (NB)

**Bài 7: 2NB**

5) (NB)

6) (NB)

**Bài 8: 2NB**

7) (NB)

8) (NB)

**Bài 9: 2NB**

9) (NB)

10) (NB)

**Bài 10: 2NB**

11) (NB)

12) (NB)

**2) THÔNG HIỂU**

**Bài 3: 1TH**

13) (NB)

**Bài 6: 1TH**

14) (NB)

**Bài 7: 1TH**

15) (NB)

**Bài 9: 1TH**

16) (NB)

**3) VẬN DỤNG**

**Bài 1: 1VD**

17) (VD)

**Bài 3: 1VD**

18) (VD)

**II. Phần II:** (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

**Bài 4:**

**Câu 1:**

- a) (NB)
- b) (TH)
- c) (TH)
- d) (VD)

**Bài 5:**

Câu 2:

- a) (NB)
- b) (TH)
- c) (TH)
- d) (VD)

**Bài 8:**

Câu 3:

- a) (NB)
- b) (TH)
- c) (TH)
- d) (VD)

**Bài 10:**

Câu 4:

- a) (NB)
- b) (TH)
- c) (TH)
- d) (VD)

**III. Phần III:** (Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn = TNTLN) gồm 6 câu = 1,5 điểm. (0,25 điểm/1 câu.)

**1) NHẬN BIẾT**

**Bài 2: 1NB**

Câu 1: (NB)

**Bài 9: 1NB**

Câu 2: (NB)

**2) THÔNG HIỂU**

**Bài 6: 1TH**

Câu 3: (TH)

**Bài 9: 1TH**

Câu 4: (TH)

**3) VẬN DỤNG**

**Bài 2: 1VD**

Câu 5: (VD)

**Bài 6: 1VD**

Câu 6: (VD)